

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày: 19/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Thịnh
2. Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký TAND huyện Cần Đước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 15/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 29/7/2020, đối với bị cáo:

Trần Hoài A, (Tên gọi khác: N); sinh ngày 26/3/2000. Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tăng Phi H và bà Trần Thị L; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án số 12/2018/HS-ST ngày 25/10/2018, TAND thị xã D-tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về hành vi “ Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 21/9/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/6/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1/Anh Trần Minh H, sinh năm 1987(Vắng mặt).

2/Anh Trần Minh H1, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Hoài A và anh Trần Minh H từng quen biết nhau nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/5/2020 bị cáo A đi bộ đến phòng trọ số 10 (nhà trọ M) do anh Trần Minh H và anh Trần Minh H1 đang thuê ở thuộc ấp C, xã L, huyện C chơi thì phòng trọ đóng cửa, bị cáo phát hiện tấm sắt phía dưới cửa phòng trọ bị hở nên bị cáo dùng tay đẩy tấm sắt bung ra rồi đột nhập vào bên trong phòng thì phát hiện một giỏ xách và một balo treo trên vách tường nhà vệ sinh, bị cáo đi lại lục soát giỏ xách (của anh H) lấy 01 điện thoại di động màu xanh đen, hiệu Samsung Galaxy J6⁺ và lấy tiếp 01 điện thoại di động màu đỏ hiệu Oppo A3S trong balo của anh Trần Minh H1 (em ruột anh H) đều đã qua sử dụng cất giấu vào túi quần rồi theo lối cũ tẩu thoát ra ngoài. Sau đó, bị cáo về phòng trọ và rủ Trần Minh T đi chơi (em cùng mẹ khác cha với bị cáo). Trên đường đi bị cáo vào cửa hàng điện thoại M thuộc ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Nguyễn Văn T làm chủ để bán 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6⁺ với giá 1.200.000đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S với giá 1.000.000đồng, khi bán thì bị cáo kêu T đứng bên ngoài chờ và cho T 70.000đồng, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân. Trong suốt quá trình đi chơi và cho tiền T thì bị cáo hoàn toàn không nói cho T biết sự việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của anh H và anh H1. Sau khi phát hiện sự việc, anh H trình báo đến Công an nên ngày 02/6/2020, bị cáo quay trở lại phòng trọ thì bị Công an xã L làm việc và khai nhận toàn bộ sự việc phạm tội như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 39/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, hiệu Samsung Galaxy J6⁺ có giá là 3.240.000đồng và 01 (một) điện thoại di động màu đỏ hiệu Oppo A3S có giá 2.217.000đồng, tổng cộng là 5.457.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo A thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo khai vì để có tiền tiêu xài nên khi đến phòng trọ anh H thấy đóng cửa, không người trông coi nên bị cáo đã đột nhập vào bên trong chiếm đoạt 02 điện thoại của anh H và anh H1. Bị cáo bị truy cứu về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng, không oan sai. Bị cáo Trần Hoài A khai nhận hành vi như trên và xác định những lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C là do bị cáo tự khai ra; không bị bất kỳ ai hướng dẫn, ép cung hay bức cung để khai nhận hành vi phạm tội. Đồng thời, bị cáo khai chỉ bị cáo thực hiện nên bị cáo đồng ý hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 2.200.000đồng mà bị cáo đã nhận của anh T từ việc bán điện thoại.

Bản cáo trạng số: 21/CT-VKSCĐ ngày 15/7/2020, của VKSND huyện Cần Đức, đã truy tố bị cáo Trần Hoài A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đã truy tố của Viện kiểm sát đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản thiệt hại không lớn, trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đồng thời đại diện Viện kiểm sát xin rút lại đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu vào năm 2018 bị TAND thị xã D - tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về hành vi “ Trộm cắp tài sản” lúc bị cáo chưa thành niên. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/9/2019. Do đó cần phải xem xét khi lượng hình.

Như vậy, căn cứ tính chất phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Trần Hoài A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS.

- Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173 BLHS, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hoài A từ 01 (một) năm đến 01 (năm) 06 (sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập, nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng: không

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 585 và 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Trần Hoài A bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 2.200.000đồng.

Bị cáo Trần Hoài A đồng ý với tội danh như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Bị cáo không tranh luận và không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo cùng người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hội đồng xét xử xét: Lời khai nhận của bị cáo Trần Hoài A tại phiên tòa phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Biên bản khám nghiệm hiện trường của

vụ án và Kết luận định giá. Hơn nữa, vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập tại cơ quan Cảnh sát điều tra.

Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Trần Hoài A là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/5/2020 bị cáo A đi bộ đến phòng trọ số 10 của anh Trần Minh H đang thuê ở thuộc khu vực ấp C, xã L, huyện C đóng cửa, không người trông coi nên bị cáo đã đột nhập vào bên trong chiếm đoạt 01 điện thoại di động màu xanh đen, hiệu Samsung Galaxy J6⁺ và 01 điện thoại di động màu đỏ hiệu Oppo A3S của anh H và anh H1 đem bán và tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo A chiếm đoạt tài sản của người bị hại là thể hiện sự lén lút, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 5.457.000đồng, được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và được quy định như sau: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

Như vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Trần Hoài A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; ăn năn hối cải; tài sản thiệt hại không lớn, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút lại đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp nên ghi nhận.

[4] Xét hình phạt: Tội phạm do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Trần Hoài A là người có nhân thân xấu, từng bị Tòa án kết án về tội chiếm đoạt tài sản nhưng không biết ăn năn, hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng”*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản qua lời khai có trong hồ sơ vụ án, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét đến.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T là người mua tài sản do bị cáo A phạm tội mà có, nhưng khi mua không biết rõ đây là tài sản bất hợp pháp và cũng không có hứa hẹn gì trước đó với bị cáo về việc sẽ tiêu thụ tài sản, nên hành vi này không cấu thành tội phạm hình sự. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là phù hợp. Anh T yêu cầu bị cáo A hoàn trả số tiền đã mua điện thoại của bị cáo là có căn cứ. Buộc bị cáo Trần Hoài A hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 2.200.000đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

Cơ quan điều tra có tạm giữ 01 (một) điện thoại di động màu xanh đen, hiệu Samsung Galaxy J6⁺ và 01 (một) điện thoại di động màu đỏ hiệu Oppo A3S. Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

[8] Đối với Trần Minh T, quá trình điều tra vụ án khai nhận T hoàn toàn không biết bị cáo A chiếm đoạt tài sản của anh H và anh H1 và không biết nguồn gốc số tiền mà bị cáo cho T. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét xử lý T là phù hợp.

[9] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Hoài A phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Trần Hoài A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Hoài A 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 03/6/2020.

[3]. Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Hoài A 45 (Bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/8/2020 để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

[4]. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Hoài A.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Trần Hoài A có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 2.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

[6]. Về án phí:

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Hoài A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, để sung công quỹ Nhà nước.

[7]. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

[8]. Về hướng dẫn thi hành án: “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Công an huyện Cần Đước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung